

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2019
Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thái Bình

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng PH- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Nhà số 350/2 ấp A, xã L, huyện Th, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Diễm H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Long An.

Ông T, bà H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2019 nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T với bà H; Về con chung: Giao quyền nuôi con chung Võ Thị Hương M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017 cho bà H nuôi dưỡng và chăm sóc; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2019 và tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu và có kiến về các nội dung như sau: tài sản chung tự thỏa thuận, về cấp dưỡng nuôi con chung thì ông T sẽ cấp

dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định pháp luật, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi

Ý kiến của bị đơn: Thống nhất yêu cầu của ông T về không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T, bà yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7 năm 2019, 06 tháng cấp dưỡng 01 lần.

Về các tình tiết cụ thể của vụ án được các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn trình bày: Ông và bà H do tự quen khoảng 03 tháng thì tổ chức lễ cưới theo phong tục vào tháng 10 năm 2016 (âm lịch) và về chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông, bà sống tại ấp A, xã L, huyện Th, tỉnh Long An, sống được 03 tháng, thì bà H về nhà cha mẹ ruột ở xã C để dưỡng thai, chuẩn bị cho việc sinh con, lúc đó bà H đang mang thai tháng thứ 6. Do bà H mang thai nhưng không cho ông biết nên ông rất giận, vì vậy từ khi bà H về nhà cha mẹ ruột sinh sống ông có đến thăm nhưng ít nói chuyện với bà H, từ đó tình cảm không còn nên ông không có ý định đi đăng ký kết hôn với bà H. Ông và bà H có 01 con chung tên Võ Thị Hương M sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017, con chung đang sống với bà H tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Long An. Hiện nay, bản thân ông làm công việc tự do, nghề lái xe nhận thù lao theo chuyến, thu nhập không ổn định nhưng nếu tính bình quân thì khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: vợ chồng ông có 01 cây vàng cưới, đã thỏa thuận xong. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà H trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông T về điều kiện chung sống về nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, tài sản chung, nợ chung, nay bản thân bà không còn tình cảm với ông T. Con chung hiện nay đang sống với bà tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Long An. Thỉnh thoảng, ông T có xuống thăm con. Bà đang đi làm công nhân có thu nhập ổn định, lương từ 5.000.000 đồng/01 tháng, do bà phải đi làm nên không có thời gian nghỉ nhiều nên yêu cầu cấp dưỡng 06 tháng 01 lần để tiện cho bà trong việc đi nhận tiền.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đầy đủ và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án: Hai bên đương sự thống nhất chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp; Về nguyên nhân mâu thuẫn là xuất phát từ việc bà H giấu chuyện mang thai nên ông T ít nói chuyện với bà H, từ đó tình cảm ngày càng rạn nứt, nay cả hai đều thống nhất không tiếp tục chung sống với nhau nên việc ông T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H là có căn cứ. Ông T và bà H đều thống nhất có 01 con chung tên Võ Thị Hương M sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017, hiện cháu đang sống chung với bà H và thống nhất bà H sẽ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà H, mức cấp dưỡng là bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi, nhưng ông chỉ

đồng ý cấp dưỡng hàng tháng chứ không đồng ý cấp dưỡng 6 tháng 01 lần. Xét thấy, ông T làm nghề lái xe, thu nhập hưởng lương theo tháng, việc cấp dưỡng định kỳ nửa năm sẽ gây khó khăn cho ông T, bản thân bà H cũng có thu nhập ổn định, lý do bà H đưa ra là không có thời gian đi nhận tiền cấp dưỡng thì có thể khắc phục được bằng nhiều cách như ủy quyền nhận thay, 06 tháng liên hệ cơ quan thi hành án để nhận tiền 01 lần... vậy yêu cầu của bà H là không có căn cứ chấp nhận.

Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, 81 Luật hôn nhân và gia đình xem xét quyết định: không công nhận ông Phạm Thanh T và bà Võ Thị Diễm H là vợ chồng; Giao con chung Hương M cho bà H nuôi dưỡng và chăm sóc, hàng tháng ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là theo quy định pháp luật, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Ông T và bà H chung sống như vợ chồng xuất phát từ tình cảm của hai bên và trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn, nay ông T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H và yêu cầu giao con chung cho bà H nuôi dưỡng nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thụ lý giải quyết vụ án; Đồng thời, bà H có nơi cư trú tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H đều xác định hai người tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2016 âm lịch nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ giữa ông T và bà H không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Nay ông T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà H, Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T và bà H đều xác định có 01 con chung tên Võ Thị Hương M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017 là con chung của ông bà nên đây là sự kiện không cần phải chứng minh; Theo biên bản xác minh ngày 28/6/2019, thể hiện bà H có việc làm, thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng, cháu M đang sống ổn định cùng bà H, nay ông T và bà H đều thống nhất giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hiện nay ông T thu nhập từ nghề lái xe, nhận lương tháng hoặc theo chuyên nên việc cấp dưỡng 06 tháng 01 lần sẽ gây khó khăn cho ông T về mặt kinh tế, việc bà H cho rằng không có thời gian để nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng chỉ là lý do cá nhân của bà chứ không vì mục đích phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của cháu M. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu M thì việc cấp dưỡng cần được thực hiện hàng tháng là phù hợp quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình nên yêu cầu của bà H buộc ông T cấp dưỡng 6 tháng 01 lần là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung: Các đương sự đều có ý kiến tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Do ông T có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, ông T cũng không thuộc trường hợp được miễn án phí nên ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Phạm Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Thanh T và bà Võ Thị Diễm H là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Thị Hương M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017 (giới tính nữ) cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương cơ sở theo từng thời điểm, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền

yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Ông Phạm Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 05 tháng 6 năm 2019 theo biên lai số 0004458 sang tiền án phí. Vì vậy, ông T còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu